

Số: 06/2026/QĐCNHGT-DS

PT, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Bùi Thị H và ông Vũ Văn V, bà Nhữ Thị N

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đề ngày 20 tháng 12 năm 2025 của bà Bùi Thị H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964. Căn cước công dân số: 017164007813; cấp ngày 10/6/2024. Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH. Địa chỉ: PS, xã YT, tỉnh PT.

- Người bị kiện: Ông Vũ Văn V, sinh năm 1974. Căn cước công dân số: 017074001770; cấp ngày 16/5/2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH và bà Nhữ Thị N, sinh năm 1982. Căn cước công dân số: 035182013900; cấp ngày 07/01/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH. Cả hai cùng có địa chỉ tại: PS, xã YT, tỉnh PT.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyên sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 02 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 02 năm 2026, cụ thể như sau:

Ông Vũ Văn V và bà Nhữ Thị N có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Bùi Thị H số tiền vay gốc là 330.000.000^d (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và số tiền lãi 36 tháng là

297.000.000^d (Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng). Tổng cộng số tiền ông Vũ Văn V và bà Nhữ Thị N phải thanh toán trả cho bà Bùi Thị H là 627.000.000^d (Sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 17 – PT;
- Thi hành án dân sự tỉnh PT;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Hà

